

Số: 2803 /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Tư pháp tỉnh Tiền Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa đối với 184 thủ tục hành

chính (cấp tỉnh: 121 thủ tục; cấp huyện: 24 thủ tục; cấp xã: 30 thủ tục và 07 thủ tục áp dụng chung; 02 thủ tục thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Tư pháp tỉnh Tiền Giang (có phụ lục kèm theo).

Đối với các thủ tục hành chính được công bố mới, sửa đổi, bổ sung sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Giám đốc Sở Tư pháp rà soát bổ sung danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần số hóa trình kèm dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính.

**Điều 2.** Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

1. Triển khai thực hiện danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Chỉ đạo công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện việc số hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định này.

3. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông cấu hình thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương theo từng thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *MT*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, TTPVHCC&KSTT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Hiệu). *lanz*

**KT. CHỦ TỊCH** *Ch*  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thành Diệu*

**Phụ lục**

**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HÓA THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP TỈNH TIỀN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2803 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. CẤP TỈNH**

**I. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
1	2.001895.00 0.00.00.H58	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam.	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.	
2	2.002039.00 0.00.00.H58	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam.</li><li>- Bản khai lý lịch;</li><li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài.</li><li>- Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt; bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li><li>- Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú).</li><li>- Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam.</li></ul>	Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước	
3	2.002038.00 0.00.00.H58	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam.</li><li>- Bản khai lý lịch.</li></ul>	Quyết định cho phép trở lại quốc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		Nam ở trong nước	- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài.	tịch Việt Nam của Chủ tịch nước.	
4	2.002036.00 0.00.00.H58	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam. - Bản khai lý lịch.	Quyết định cho phép thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước.	
5	1.005136.00 0.00.00.H58	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; - Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP: + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; + Bản khai lý lịch kèm theo một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam.	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
<b>II. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b>					
1	1.003976.00 0.00.00.H58	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	<p><b>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi;</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;</li> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam.</li> </ul> <p><b>* Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án</li> </ul>	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<p>tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng;</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột đối với trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó.</li> </ul>		
2	1.004878.00 0.00.00.H58	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	<p><b>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài;</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;</li> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản;</li> <li>- Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> </ul>	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên;</li> <li>- Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột đối với trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó.</li> </ul>		
3	1.003179.00 0.00.00.H58	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		yếu tố nước ngoài	ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.	nước ngoài	
4	1.003160.00 0.00.00.H58	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<p><b>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp.</li> </ul> <p><b>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</li> </ul>	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	
<b>III. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP</b>					
1	2.000488.00 0.00.00.H58	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.</li> </ul>	Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2.	



STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam			
2	2.001417.00 0.00.00.H58	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	Phiếu lý lịch tư pháp số 1.	
3	2.000505.00 0.00.00.H58	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.	Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2.	
<b>IV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>					
1	2.002193.00 0.00.00.H58	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	- Yêu cầu xác định cơ quan giải quyết bồi thường của người yêu cầu bồi thường hoặc hồ sơ do các cơ quan không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường chuyển sang. - Hồ sơ yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017.	Văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường	
2	2.002192.00	Giải quyết yêu cầu	- Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp yêu cầu bồi thường	Quyết định giải	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<p>thì hồ sơ yêu cầu bồi thường (sau đây gọi là hồ sơ) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản yêu cầu bồi thường;</li> <li>+ Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường;</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại;</li> <li>+ Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).</li> </ul> <p>- Trường hợp người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (nếu có nhiều người thừa kế thì những người thừa kế đó phải cử ra một người đại diện) hoặc là người đại diện của người bị thiệt hại thì ngoài các tài liệu quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017, hồ sơ còn phải có các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại;</li> <li>+ Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền;</li> <li>+ Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế.</li> </ul>	quyết bồi thường	
3	2.002191.00 0.00.00.H58	Phục hồi danh dự	<p><b>- Chủ động phục hồi danh dự:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự;</li> <li>+ Biên bản trả lời thông báo tổ chức thực hiện phục hồi danh dự</li> </ul> <p>- Trường hợp cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã Thông báo nhưng người bị thiệt hại chưa đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự mà yêu cầu sau:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai;</li> <li>- Đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo</li> </ul>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			+ Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự; + Ý kiến của người bị thiệt hại đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự; + Văn bản đề nghị phục hồi danh dự. <b>- Phục hồi danh dự theo yêu cầu của người bị thiệt hại:</b> Văn bản yêu cầu bồi thường	trung ương và 01 tờ báo địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	
<b>V. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM</b>					
1	1.011441.00 0.00.00.H58	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Không có	Phiếu yêu cầu đăng ký; Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
				Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận	
2	1.011442.00 0.00.00.H58	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Không có	Phiếu yêu cầu đăng ký; Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.	
3	1.011443.00 0.00.00.H58	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Không có	Phiếu yêu cầu; Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.	
4	1.011444.00 0.00.00.H58	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Không có	Phiếu yêu cầu đăng ký; Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.	
5	1.011445.00 0.00.00.H58	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ	Không có	Phiếu yêu cầu; Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất		có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.	
<b>VI. LĨNH VỰC LUẬT SƯ</b>					
1	1.002010.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư	
2	1.002032.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.	Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
3	1.002055.00 0.00.00.H58	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật.</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên.</li> <li>- Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật.</li> <li>- Họ, tên, số và ngày cấp Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
4	1.002079.00 0.00.00.H58	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.	Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		hợp danh			
5	1.002099.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh.</li> <li>- Quyết định thành lập chi nhánh.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư.	
6	1.002153.00 0.00.00.H58	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký hành nghề luật sư.</li> <li>- Bản sao Hợp đồng lao động ký kết với cơ quan, tổ chức.</li> </ul>	Giấy đăng ký hành nghề luật sư.	
7	1.002181.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Giấy tờ chứng minh về trụ sở.	Giấy đăng ký hoạt động của chính hành, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.	
8	1.002198.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.</li> <li>- Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động của chính hành, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.	
9	1.002218.00 0.00.00.H58	Hợp nhất công ty luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật.</li> <li>- Hợp đồng hợp nhất.</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất.</li> <li>- Điều lệ của công ty luật hợp nhất.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất.	
10	1.002234.00 0.00.00.H58	Sáp nhập công ty luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;</li> <li>- Hợp đồng sáp nhập công ty luật.</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập.	
11	1.008709.00 0.00.00.H58	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị chuyển đổi.</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động cho công ty	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	được chuyển đổi. - Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi.	luật chuyển đổi.	
12	1.002398.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	- Giấy đề nghị chuyển đổi. - Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp.	Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi.	
13	1.002384.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. - Giấy tờ chứng minh trụ sở của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.	Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.	
14	1.002368.00 0.00.00.H58	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. - Giấy tờ chứng minh về trụ sở.	Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	
<b>VII. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT</b>					
1	1.000627.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	- Đơn đăng ký hoạt động. - Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật; về việc cử Giám đốc của Trung tâm tư vấn pháp luật. - Danh sách kèm theo hồ sơ của người được đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, của luật sư làm việc theo hợp đồng lao động cho Trung tâm.	Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
2	1.000614.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	- Đơn đăng ký hoạt động. - Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Chi nhánh.	Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật.	
3	1.000588.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh. - Giấy xác nhận trụ sở mới của Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp thay đổi trụ sở. - Quyết định về việc cử Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh trong trường hợp thay đổi Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh. - Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, hồ sơ của luật sư trong trường hợp bổ sung tư vấn viên pháp luật, luật sư.	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật.	
4	1.000426.00 0.00.00.H58	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	- Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật. - Giấy xác nhận về thời gian công tác pháp luật của người được đề nghị.	Thẻ tư vấn viên pháp luật.	
5	1.000404.00 0.00.00.H58	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật.	Quyết định thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật.	
6	1.000390.00 0.00.00.H58	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	- Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật. - Thẻ tư vấn viên pháp luật cũ.	Thẻ Tư vấn viên pháp luật.	
<b>VIII. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG</b>					
1	1.001756.00 0.00.00.H58	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên.	Quyết định đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên.	
2	2.000789.00	Đăng ký hoạt động	- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.	Giấy đăng ký hoạt	



STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	Văn phòng công chứng	- Hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có).	động của Văn phòng công chứng.	
3	1.001799.00 0.00.00.H58	Cấp lại Thẻ công chứng viên	- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên.	Thẻ công chứng viên.	
4	2.002387.00 0.00.00.H58	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	Văn bản hông báo.	Quyết định xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên.	
5	1.001877.00 0.00.00.H58	Thành lập Văn phòng công chứng	- Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. - Đề án thành lập Văn phòng công chứng.	Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.	
6	2.000778.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.	Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được cấp lại hoặc giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được ghi nhận nội dung thay đổi.	
7	1.001688.00 0.00.00.H58	Hợp nhất Văn phòng công chứng	- Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng. - Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp	Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<p>nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất.</li> <li>- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất.</li> </ul>		
8	2.000766.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng hợp nhất.	
9	1.001665.00 0.00.00.H58	Sáp nhập Văn phòng công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng sáp nhập Văn phòng công chứng.</li> <li>- Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng tính đến ngày đề nghị sáp nhập.</li> <li>- Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng.</li> <li>- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng.</li> </ul>	Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng.	
10	2.000758.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập đã được thay đổi.	
11	1.001647.00 0.00.00.H58	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng.</li> <li>- Văn bản cam kết của các công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ yêu cầu công chứng đang thực hiện và hồ sơ đang</li> </ul>	Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<p>được lưu trữ tại Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.</li> <li>- Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.</li> </ul>		
12	2.000743.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng.	
13	1.003118.00 0.00.00.H58	Thành lập Hội công chứng viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án thành lập Hội công chứng viên.</li> <li>- Tờ trình Đề án.</li> <li>- Báo cáo thẩm định Đề án.</li> </ul>	Quyết định cho phép thành lập Hội công chứng viên.	
14	1.001071.00 0.00.00.H58	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng.</li> <li>- Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.</li> </ul>	Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.	
15	1.001446.00 0.00.00.H58	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng.</li> <li>- Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.</li> </ul>	Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.	
16	1.001125.00 0.00.00.H58	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.	Thông báo về việc thay đổi nơi tập sự hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		chúng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		do.	
17	1.001153.00 0.00.00.H58	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự: Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.</li> <li>- Đối với Sở Tư pháp nơi chuyển đến: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng.</li> <li>+ Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.</li> <li>+ Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã tập sự hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.</li> <li>- Quyết định đăng ký tập sự của Sở Tư pháp nơi chuyển đến hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.</li> </ul>	
18	1.001438.00 0.00.00.H58	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Báo cáo bằng văn bản của tổ chức hành nghề công chứng về việc chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.	Quyết định chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.	
19	1.012019.00 0.00.00.H58	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự.</li> <li>- Báo cáo kết quả tập sự và Sổ nhật ký tập sự.</li> </ul>	Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản từ chối có	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
				nêu rõ lý do.	
20	1.001721.00 0.00.00.H58	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.</li> <li>- Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.</li> </ul>	Thông báo bằng văn bản cho người đăng ký tham dự kiểm tra về việc đủ điều kiện đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản; có nêu rõ lý do.	
<b>IX. LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN</b>					
1	2.001815.00 0.00.00.H58	Cấp Thẻ đấu giá viên	- Giấy đề nghị cấp Thẻ đấu giá viên	Quyết định cấp Thẻ đấu giá viên.	
2	2.001807.00 0.00.00.H58	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Giấy đề nghị cấp lại Thẻ đấu giá viên	Quyết định cấp lại Thẻ đấu giá viên.	
3	2.001395.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động.</li> <li>- Điều lệ của doanh nghiệp đối với công ty đấu giá hợp danh</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản.</li> </ul>	Quyết định đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.	
4	2.001333.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.	Quyết định thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
5	2.001258.00 0.00.00.H58	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.	Quyết định cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.	
6	2.001247.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh. - Quyết định thành lập chi nhánh. - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.	Quyết định đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản.	
7	2.002139.00 0.00.00.H58	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	- Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá. - Báo cáo kết quả tập sự hành nghề đấu giá.	Danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá.	
<b>X. LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI</b>					
1	1.008925.00 0.00.00.H58	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	- Giấy đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại.	Văn bản thông báo về việc đăng ký tập sự.	
2	1.008926.00 0.00.00.H58	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	- Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.	Văn bản thông báo về việc thay đổi nơi tập sự.	
3	1.008927.00 0.00.00.H58	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại.	Người đăng ký hành nghề được ghi tên vào Danh sách Thừa phát lại hành nghề tại địa phương và Thẻ Thừa phát lại được cấp.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
4	1.008928.00 0.00.00.H58	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ Thừa phát lại.	Thẻ Thừa phát lại được cấp.	
5	1.008929.00 0.00.00.H58	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	- Giấy đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại. - Bản thuyết minh về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện.	Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.	
6	1.008930.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại. - Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP. - Hồ sơ đăng ký hành nghề của Thừa phát lại.	Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.	
7	1.008931.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại. - Giấy tờ chứng minh việc thay đổi và bản chính Giấy đăng ký hoạt động.	Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.	
8	1.008932.00 0.00.00.H58	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Giấy đề nghị chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại. - Bản thuyết minh về việc chuyển đổi loại hình hoạt động.	Quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.	
9	1.008933.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại. - Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại.	Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.	
10	1.008934.00 0.00.00.H58	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	- Giấy đề nghị hợp nhất, giấy đề nghị sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại. - Hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập trong đó có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng	Quyết định cho phép hợp nhất, quyết định cho phép sáp nhập Văn	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<p>bị hợp nhất, sáp nhập; thời gian thực hiện hợp nhất, sáp nhập; phương án xử lý tài sản, sử dụng lao động của các Văn phòng; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng và các nội dung khác có liên quan.</p> <p>- Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng tính đến ngày đề nghị hợp nhất, sáp nhập.</p> <p>- Biên bản kiểm kê các hồ sơ nghiệp vụ và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp nhập.</p> <p>- Danh sách Thừa phát lại hợp danh và Thừa phát lại làm việc theo chế độ hợp đồng (nếu có) tại các Văn phòng.</p>	phòng Thừa phát lại.	
11	1.008935.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động, Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại.</p>	Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.	
12	1.008936.00 0.00.00.H58	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Giấy đề nghị chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại có công chứng.</p> <p>- Biên bản kiểm kê hồ sơ nghiệp vụ của Văn phòng được chuyển nhượng.</p> <p>- Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng được chuyển nhượng.</p> <p>- Văn bản cam kết của Thừa phát lại nhận chuyển nhượng.</p>	Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.	
13	1.008937.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển	<p>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với việc</p>	Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.	



STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		nhượng Văn phòng Thừa phát lại	chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng (trong trường hợp thay đổi trụ sở). - Hồ sơ đăng ký hành nghề của các Thừa phát lại theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.		
<b>XI. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP</b>					
1	1.001122.00 0.00.00.H58	Bổ nhiệm và cấp Thẻ giám định viên tư pháp	- Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp. - Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm. - Sơ yếu lý lịch - Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc. - Chứng chỉ đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự.	Quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.	
2	2.000894.00 0.00.00.H58	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	- Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức đã đề nghị bổ nhiệm người đó; - Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật giám định tư pháp: + Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật giám định tư pháp. + Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều	Quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<p>7 của Luật giám định tư pháp.</p> <p>+ Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp.</p> <p>+ Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật giám định tư pháp.</p> <p>+ Theo đề nghị của giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng có quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc.</p>		
3	1.009832.00 0.00.00.H58	Cấp lại thẻ Giám định viên tư pháp	<p>- Đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.</p> <p>- Thẻ giám định viên tư pháp đang sử dụng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin đã được ghi trên thẻ; thẻ giám định viên tư pháp trong trường hợp thẻ cũ bị hỏng;</p>	Thẻ giám định viên tư pháp.	
4	2.000890.00 0.00.00.H58	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	<p>- Đơn xin phép thành lập;</p> <p>- Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp.</p>	Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp.	
5	2.000823.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	<p>- Đơn đề nghị đăng ký hoạt động.</p> <p>- Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp theo Đề án thành lập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật giám định tư pháp.</p>	Giấy đăng ký hoạt động.	
6	2.000568.00 0.00.00.H58	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	<p>- Đơn xin phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định;</p> <p>- Đề án về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định.</p>	Văn phòng giám định tư pháp được bổ sung thêm lĩnh vực giám định tư pháp.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
7	1.001216.00 0.00.00.H58	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	- Đơn đề nghị chuyển đổi; - Đề án chuyển đổi loại hình hoạt động.	Văn phòng giám định tư pháp được phép chuyển đổi loại hình.	
8	2.000555.00 0.00.00.H58	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động;	Văn phòng giám định tư pháp được cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.	
9	1.001117.00 0.00.00.H58	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.	Văn phòng giám định tư pháp được cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.	
<b>XII. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>					
1	2.000587.00	Cấp thẻ Cộng tác	- Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý;	Quyết định cấp thẻ	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	viên trợ giúp pháp lý	- Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định; - Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú	cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Giám đốc Sở Tư pháp	
2	1.001233.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý;	Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý được bổ sung nội dung thay đổi.	
3	2.000840.00 0.00.00.H58	Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	- Văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý.	Quyết định công bố việc chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý của Sở Tư pháp	
4	2.000592.00 0.00.00.H58	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Đơn khiếu nại	Quyết định giải quyết khiếu nại	
5	2.000970.00 0.00.00.H58	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	- Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý. - Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn tổ chức (nếu có).	Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý giữa Sở Tư pháp và tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật.	
6	2.000954.00 0.00.00.H58	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý được cấp lại.	
7	2.000596.00 0.00.00.H58	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị tham gia trợ giúp pháp lý; - Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý;	Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
8	2.000829.00 0.00.00.H58	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	- Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý (hoặc văn bản yêu cầu trợ giúp pháp lý của cơ quan tiến hành tố tụng); - Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý	Quyết định cử trợ giúp viên pháp lý (văn bản từ chối yêu cầu trợ giúp pháp lý)	
9	2.001687.00 0.00.00.H58	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	- Đơn thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Quyết định cử trợ giúp viên pháp lý	
10	2.001680.00 0.00.00.H58	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	- Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý	Thông báo chấm dứt yêu cầu trợ giúp pháp lý	
11	2.000518.00 0.00.00.H58	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Quyết định cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
12	2.000977.00 0.00.00.H58	Lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	- Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý	Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý giữa Trung tâm và luật sư	
<b>XIII. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI</b>					
1	1.008889.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung	Đơn đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài.	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác			
2	1.008890.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Trung tâm trọng tài.	
3	1.008904.00 0.00.00.H58	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	Ghi nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
4	1.008905.00	Thay đổi nội dung	Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của	Ghi nội dung thay	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Chi nhánh Trung tâm trọng tài;	đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài.	
5	1.008906.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	Cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
6	1.001248.00	Cấp lại Giấy đăng	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm	Giấy đăng ký hoạt	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Luật 54/2010/QH12	trọng tài/Chi nhánh Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
<b>XIV. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI</b>					
1	1.009284.00 0.00.00.H58	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc.</li> <li>+ Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học;</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc.</li> </ul>	Ghi tên vào danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc và công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc trên Công thông tin điện tử của Sở.	
2	1.008913.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	



STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác			
3	2.002047.00 0.00.00.H58	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	+ Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực. + Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động.	Quyết định thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.	
4	2.001716.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh;	Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
5	1.008914.00 0.00.00.H58	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại; Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại; Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
				hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	
6	2.000515.00 0.00.00.H58	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại;</li> <li>+ Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận của Trung tâm hòa giải thương mại.</li> </ul>	Quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại.	
7	1.008915.00 0.00.00.H58	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.</li> </ul>	Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác			
8	1.008916.00 0.00.00.H58	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động.	Quyết định thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.	
9	1.009283.00 0.00.00.H58	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài	+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; + Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận.	Quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)			
<b>XV. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN</b>					
1	1.002626.00 0.00.00.H58	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	+ Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.	Văn bản ghi tên vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
2	1.008727.00 0.00.00.H58	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Văn bản đề nghị thay đổi.	Quyết định thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
3	1.001842.00 0.00.00.H58	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	Quyết định ghi tên doanh nghiệp vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
4	1.001633.00 0.00.00.H58	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	Thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	
5	1.001600.00 0.00.00.H58	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	Thay đổi thông tin về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	

## B. CẤP HUYỆN

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>					
1	2.000528.00	Đăng ký khai sinh	- Tờ khai đăng ký khai sinh.	- Giấy khai sinh;	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng sinh. Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì thay thế bằng: văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh, nếu không có văn bản của người làm chứng thì thay thế bằng văn bản cam đoan về việc sinh;</li> <li>Trường hợp trẻ em sinh ra tại nước ngoài thì nộp Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con;</li> <li>- Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha, mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con.</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</li> </ul>	<p>bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh).</p> <p>- Bản điện tử Giấy khai sinh.</p>	
2	2.000806.00 0.00.00.H58	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký kết hôn.</li> <li>- Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó.</li> <li>- Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận kết hôn.</li> <li>- Bản điện tử Trích lục kết hôn.</li> </ul>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<p>phải nộp bản sao hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam cư trú trong nước.</li> <li>- Công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải nộp bản sao trích lục hộ tịch về việc đã ghi vào sổ việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật (Trích lục ghi chú ly hôn);</li> <li>- Công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang phải nộp văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó;</li> <li>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp.</li> </ul>		
3	1.001766.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai tử.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử;</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục khai tử; bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử).</li> <li>- Bản điện tử Trích lục khai tử.</li> </ul>	
4	2.000779.00 0.00.00.H58	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con</li> <li>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con;</li> </ul>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		nước ngoài	con - Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh về nhân thân.	bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con). - Bản điện tử Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con.	
5	1.001669.00 0.00.00.H58	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Tờ khai đăng ký giám hộ - Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cử; giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên; trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên; - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký giám hộ.	- Trích lục đăng ký giám hộ; bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ). - Bản điện tử Trích lục đăng ký giám hộ.	
6	2.000756.00 0.00.00.H58	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ - Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự. - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ.	- Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ; bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục	



STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
				<p>đăng ký chấm dứt giám hộ).</p> <p>- Bản điện tử Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ.</p>	
7	2.090748.00 0.00.00.H58	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	<p>- Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc</p> <p>- Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc;</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p>	<p>- Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc; bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc).</p> <p>- Bản điện tử Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
8	2.002189.00 0.00.00.H58	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi chú kết hôn</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;</li> <li>- Nếu công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì phải nộp Trích lục về việc đã ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn (Trích lục ghi chú ly hôn).</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú kết hôn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục ghi chú kết hôn; bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn).</li> <li>- Bản điện tử Trích lục ghi chú kết hôn.</li> </ul>	
9	2.000554.00 0.00.00.H58	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi chú ly hôn</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú ly hôn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục ghi chú ly hôn, bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn).</li> <li>- Bản điện tử Trích lục ghi chú ly hôn.</li> </ul>	
10	2.000547.00 0.00.00.H58	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc</li> </ul>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		khai sinh/bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác). - Bản điện tử Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh/ Bản điện tử Trích lục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác.	
11	2.000522.00 0.00.00.H58	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Tờ khai đăng ký lại khai sinh - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh.	- Giấy khai sinh; bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh.	
12	1.000893.00	Đăng ký khai sinh	- Tờ khai đăng ký khai sinh	- Giấy khai sinh,	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản cam đoan về việc chưa được đăng ký khai sinh;</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</li> </ul>	<p>bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản điện tử Giấy khai sinh (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</li> </ul>	
13	2.000513.00 0.00.00.H58	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Tờ khai đăng ký lại kết hôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận kết hôn.</li> <li>- Bản điện tử Trích lục kết hôn.</li> </ul>	
14	2.000497.00 0.00.00.H58	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký lại khai tử</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký lại khai tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục khai tử, bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử).</li> <li>- Bản điện tử Trích</li> </ul>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
				lục khai tử.	
15	1.001695.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh</li> <li>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.</li> <li>- Giấy chứng sinh.</li> <li>+ Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có văn bản của người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.</li> <li>+ Trường hợp trẻ em sinh ra tại nước ngoài thì nộp Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con (nếu có);</li> <li>- Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha, mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con.</li> <li>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</li> <li>+ Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con nêu trên thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh về nhân thân.</li> </ul>	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con; bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con).	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
<b>II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>					
1	2.000992.00 0.00.00.H58	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Không có	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch.	
2	2.001008.00 0.00.00.H58	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Không có	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch.	
3	2.001044.00 0.00.00.H58	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không có	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực	
4	2.001050.00 0.00.00.H58	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không có	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực	
5	2.001052.00 0.00.00.H58	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không có	Văn bản khai nhận di sản được chứng thực	
<b>III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b>					
1	2.002363.00 0.00.00.H58	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi	- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi. - Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc nuôi con	Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<p>nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc ghi chú.</li> <li>- Văn bản chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được thực hiện phù hợp với điều ước quốc tế của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên).</li> </ul>	nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (bản sao).	
<b>IV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>					
1	2.002190.00 0.00.00.H58	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản yêu cầu bồi thường;</li> <li>- Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại;</li> <li>- Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại;</li> <li>- Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền;</li> <li>- Di chúc đối với trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế đối với trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc.</li> </ul>	Quyết định giải quyết bồi thường.	
2	1.005462.00 0.00.00.H58	Phục hồi danh dự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự</li> <li>- Biên bản trả lời thông báo tổ chức thực hiện phục hồi danh</li> </ul>	- Buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			dự - Ý kiến của người bị thiệt hại đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự. - Văn bản đề nghị phục hồi danh dự. - Văn bản yêu cầu bồi thường	công khai; - Đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo trung ương và 01 tờ báo địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	
<b>V. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>					
1	2.000424.00	Thực hiện hỗ trợ	Giấy đề nghị hỗ trợ của hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải	Quyết định hỗ	



STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng có xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại là tổ trưởng tổ hòa giải. Giấy đề nghị hỗ trợ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người yêu cầu hỗ trợ; lý do yêu cầu hỗ trợ;	trợ/Văn bản trả lời trong trường hợp không hỗ trợ	

### C. CẤP XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>					
1	1.001193.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai sinh	- Tờ khai đăng ký khai sinh - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.	- Giấy khai sinh, bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh.	
2	1.000894.00 0.00.00.H58	Đăng ký kết hôn	Tờ khai đăng ký kết hôn	- Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Trích lục kết hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn). - Bản điện tử Trích lục kết hôn.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
3	1.001022.00 0.00.00.H58	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con</li> <li>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con; bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con).</li> <li>- Bản điện tử Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con.</li> </ul>	
4	1.000656.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai tử</li> <li>- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục khai tử; bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử).</li> <li>- Bản điện tử Trích lục khai tử.</li> </ul>	
5	1.004837.00 0.00.00.H58	Đăng ký giám hộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký giám hộ</li> <li>- Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cư.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục đăng ký giám hộ, bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp</li> </ul>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			<p>hộ đương nhiên. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký giám hộ.</li> </ul>	<p>bản sao Trích lục đăng ký giám hộ).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản điện tử Trích lục đăng ký giám hộ.</li> </ul>	
6	1.004845.00 0.00.00.H58	Đăng ký chấm dứt giám hộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ</li> <li>- Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ, bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ).</li> <li>- Bản điện tử Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ.</li> </ul>	
7	1.004859.00 0.00.00.H58	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc</li> <li>- Giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch, bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục thay đổi/cải</li> </ul>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
				chính/bổ sung thông tin hộ tịch). - Bản điện tử Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.	
8	1.004873.00 0.00.00.H58	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. - Bản điện tử Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	
9	1.004884.00 0.00.00.H58	Đăng ký lại khai sinh	- Tờ khai đăng ký lại khai sinh - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh.	- Giấy khai sinh; bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh.	
10	1.004772.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Tờ khai đăng ký khai sinh - Văn bản cam đoan của người yêu cầu về việc chưa được đăng ký khai sinh. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.	- Giấy khai sinh, bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh.	
11	1.004746.00	Đăng ký lại kết	Tờ khai đăng ký lại kết hôn	- Giấy chứng nhận	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	hôn		kết hôn. - Bản điện tử Trích lục kết hôn.	
12	1.005461.00 0.00.00.H58	Đăng ký lại khai tử	- Tờ khai đăng ký lại khai tử - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai tử.	- Trích lục khai tử, bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử). - Bản điện tử Trích lục khai tử.	
13	1.000689.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Tờ khai đăng ký khai sinh. - Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con. - Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con.	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con; bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con).	
14	1.003583.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai sinh lưu động	Tờ khai đăng ký khai sinh.	Giấy khai sinh	
15	1.000593.00 0.00.00.H58	Đăng ký kết hôn lưu động	Tờ khai đăng ký kết hôn.	Giấy chứng nhận kết hôn	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
16	1.000419.00 0.00.00.H58	Đăng ký khai tử lưu động	- Tờ khai đăng ký khai tử. - Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Trích lục khai tử	
<b>II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>					
1	2.001035.00 0.00.00.H58	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Không có	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực	
2	2.001019.00 0.00.00.H58	Chứng thực di chúc	Không có	Di chúc được chứng thực	
3	2.001016.00 0.00.00.H58	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không có	Văn bản từ chối nhận di sản được chứng thực	
4	2.001406.00 0.00.00.H58	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không có	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực	
5	2.001009.00 0.00.00.H58	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không có	Văn bản khai nhận di sản được chứng thực	
<b>III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b>					
1	2.001263.00 0.00.00.H58	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong	Hồ sơ của người nhận con nuôi: - Đơn xin nhận con nuôi trong nước;	Giấy chứng nhận nuôi con nuôi	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
		nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp.</li> <li>- Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: <i>Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi.</i></li> </ul> <p><b>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</li> </ul>	trong nước.	
2	2.001255.00 0.00.00.H58	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi	Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước.	
<b>IV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>					
1	2.002165.00	Giải quyết yêu cầu	- Văn bản yêu cầu bồi thường.	Quyết định giải	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại.</li> <li>- Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại; Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền; Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế.</li> </ul>	quyết bồi thường.	
<b>V. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>					
1	1.002211.00 0.00.00.H58	Công nhận hòa giải viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên;</li> <li>- Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên.</li> </ul>	Quyết định công nhận hòa giải viên	
2	2.000950.00 0.00.00.H58	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải.</li> <li>- Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải.</li> </ul>	Quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
3	2.000930.00 0.00.00.H58	Thôi làm hòa giải viên	Văn bản đề nghị ra quyết định thôi làm hòa giải viên/Báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.	Quyết định thôi làm hòa giải viên.	
4	2.002080.00 0.00.00.H58	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị thanh toán; nội dung thanh toán (có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều vụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của	Quyết định thanh toán thù lao cho hòa giải viên/hoặc văn bản trả lời trong trường hợp	



STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
			tổ trưởng tổ hòa giải.	quyết định không thanh toán	
5	2.001457.00 0.00.00.H58	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.	Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật	
6	2.001449.00 0.00.00.H58	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Không quy định	Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	

#### D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>					
1	2.000815.00 0.00.00.H58	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Không có	Không có (trừ trường hợp chứng thực bản sao điện tử từ bản chính).	
2	2.000843.00 0.00.00.H58	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Không có	Không có (trừ trường hợp chứng thực bản sao điện tử từ bản chính).	
3	2.000884.00 0.00.00.H58	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Không có	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ.	
4	2.000913.00	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp	Không có	Hợp đồng, giao dịch được	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
	0.00.00.H58	đồng, giao dịch		chứng thực	
5	2.000927.00 0.00.00.H58	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Không có	Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật.	
6	2.000942.00 0.00.00.H58	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Không có	Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực.	
7	2.000908.00 0.00.00.H58	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Không có	Bản sao được từ sổ gốc.	

#### E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Kết quả giải quyết phải số hóa	Ghi chú
1	2.000635.00 0.00.00.H58	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch.</li> </ul>	Bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh.	
2	2.002516.00 0.00.00.H58	Xác nhận thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch xác nhận thông tin hộ tịch</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch;</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch.</li> <li>- Bản điện tử Xác nhận thông tin hộ tịch.</li> </ul>	